

<b>YÊU CẦU CHUYỂN TIỀN KRW ĐI HÀN QUỐC</b> <b>Application for Drawback Remittance in KRW to Korea</b>		Số chuyển tiền (REF no.): .....	
<b>Kính gửi:</b> Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) <b>To:</b> J.S.C. Bank for Foreign Trade of Vietnam (VCB)		Ngày giao dịch (Transaction Date) .....	
<b>1</b>	<b>Khách hàng - Người chuyển tiền (Customer - Remitter)</b>	<b>50a</b>	
(i)	<b>Khách hàng cá nhân</b>		
	Tên (Name):		
	CMND/Hộ chiếu số (ID/PP No.):	Ngày cấp (Date of issue):	Nơi cấp (Place of issue):
	Địa chỉ (Add):		
	Điện thoại (Tel):		
(ii)	<b>Khách hàng tổ chức</b>		
	Tên (Name):		
	ĐKDN/ĐKKD/GCN đầu tư/GCN ĐKHD/QĐ thành lập số.....do.....cấp ngày..... Business Registration/Investment Licence No..... issued by..... dated.....		
	Địa chỉ đăng ký trụ sở (Registration add.):		
	Điện thoại (Tel):	Fax:	
	Với mọi trách nhiệm thuộc về phần mình, Tôi/Chúng tôi đề nghị VCB thực hiện giao dịch Chuyển tiền KRW đi Hàn Quốc với chi tiết dưới đây: With our responsibilities, we would like to request VCB make a drawback remittance in KRW to Korea as below:		
<b>2</b>	<b>Số tiền yêu cầu chuyển (Instructed amount)</b>		
(i)	<b>Số tiền yêu cầu chuyển bằng KRW (Instructed amount in KRW)</b>	<b>32A</b>	
	Bảng số (In figures):	KRW	
	Bảng chữ (In words):		
(ii)	<b>Tỷ giá quy đổi (Rate):</b> Theo thông tin cán bộ VCB cung cấp (As per the information provided by VCB staff)	USD/KRW	
(iii)	<b>Số tiền yêu cầu chuyển quy USD (Instructed amount in USD)</b> Theo thông tin cán bộ VCB cung cấp (As per the information provided by VCB staff)		
	Bảng số (In figures):	USD	
	Bảng chữ (In words):		
(iv)	<b>Nguồn tiền thanh toán (Source of payment)</b>	<b>Số tiền bằng số</b> (Amount in figures)	<b>Số tiền bằng chữ</b> (Amount in words)
	<input type="checkbox"/> Từ TK USD số (USD account number): .....		
	<input type="checkbox"/> Từ tiền mặt (Cash)		
	<input type="checkbox"/> Đề nghị VCB bán USD (VCB sells USD)	USD	
	<input type="checkbox"/> Đề nghị VCB chuyển đổi ngoại tệ (VCB converts foreign currency)		
	<input type="checkbox"/> Đề nghị VCB cho vay USD (VCB gives a loan in USD)		

<b>3</b>	<b>Ngày giá trị (Value date)</b>			<b>32A</b>
<b>4</b>	<b>Ngân hàng người hưởng (Beneficiary bank)</b>			<b>57</b>
	Tên (Name):		Mã NH (Bank code):	
	Địa chỉ (Add):			
<b>5</b>	<b>Người hưởng (Beneficiary)</b>			<b>59</b>
	Tên (Name):		Số TK (Account No.):	
	Địa chỉ (Add):		Điện thoại (Phone No.):	
<b>6</b>	<b>Nội dung (Details)</b>			<b>70</b>
<b>7</b>	<b>Phí (Charges)</b>			<b>71</b>
	<b>Loại phí (Charge type)</b>		<b>Nguồn thanh toán phí (Source of paying charges)</b>	<b>Số tiền phí (Charge amount)</b>
	<input type="checkbox"/> OUR	Phí do người chuyển tiền chịu <i>Charges to be born by remitter</i>	<input type="checkbox"/> Phí trích từ TK số: <i>Debit our account number:</i> .....	Theo biểu phí hiện hành của VCB <i>As per VCB's applicable charge tariff</i>
	<input type="checkbox"/> SHA	Phí chia sẻ cho hai bên <i>Charges to be shared</i>	<input type="checkbox"/> Phí nộp bằng tiền mặt (Cash): .....	
<b>8</b>	<b>Cam kết của người chuyển tiền (Remitter's undertaking)</b>			
	Tôi/Chúng tôi, người chuyển tiền: <i>I/We, as the remitter,</i>			
(i)	Tuân thủ mọi quy định hiện hành về quản lý ngoại hối của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hàn Quốc và các quy định liên quan của VCB. <i>Am/Are committed to complying with the current regulations on foreign exchange control of Socialist Republic Vietnam and Korea and VCB's related regulations</i>			
(ii)	Đồng ý với các điều kiện chung của VCB nêu tại Mục 10. <i>Agree with the general conditions of VCB stated in Article 10.</i>			
	<b>Dành cho khách hàng cá nhân</b> <i>For individual customer</i> Ký, ghi rõ họ tên (Signature, name)		<b>Dành cho khách hàng tổ chức</b> <i>For corporate customer</i> <i>Kế toán trưởng (Chief Accountant)</i> Ký, ghi rõ họ tên (Signature, name) <i>Chủ tài khoản (Acc. Holder)</i> Ký tên, đóng dấu (Signature & Stamp)	
<b>9</b>	<b>Phần dành cho VCB (For VCB's use only)</b>			
	TTV <i>Teller</i>	Thủ quỹ <i>Cashier</i>	Kiểm soát viên <i>Supervisor</i>	Lãnh đạo phòng <i>Head of Department</i>
<b>10</b>	<b>Điều kiện chung (General Terms and Conditions)</b>			
(i)	Ngày giao dịch: Là ngày khách hàng xuất trình Yêu cầu chuyển tiền KRW đi Hàn Quốc cho VCB và được VCB chấp nhận.			

	<p><i>Transaction date: is the date when VCB accepts the Application for Drawback Remittance in KRW to Korea presented by the Customer.</i></p>
(ii)	<p>Ngày giá trị: Là ngày sẽ được ghi trên điện chuyển tiền, căn cứ theo yêu cầu của khách hàng và múi giờ giới hạn của khu vực địa lý mà điện chuyển tiền sẽ được gửi đến.</p> <p><i>Value date: is the date to be indicated in the SWIFT message as per the customer's request and at the time zone limit of the geographical area where the remittance is to be transmitted to.</i></p>
(iii)	<p>VCB chỉ tiếp nhận và xử lý giao dịch nếu khách hàng xuất trình Yêu cầu chuyển tiền KRW đi Hàn Quốc hợp lệ trước 11 giờ 15 phút tất cả các ngày làm việc, ngoại trừ:</p> <p><i>VCB shall receive and process the transactions if the Customer presents an eligible Application for drawback remittance in KRW to Korea before 11.15 AM on VCB's working days, except for</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày nghỉ giao dịch của đồng KRW, USD; <i>The days on which foreign exchange business of KRW and USD is closed;</i></li> <li>• Ngày 31/12/n năm nếu ngày 31/12/n là ngày làm việc; <i>The date 31/12/n if 31/12/n is a working day;</i></li> <li>• Ngày làm việc liền trước ngày 31/12/n năm nếu ngày 31/12/n là ngày Thứ bảy hoặc Chủ nhật. <i>The working day immediately preceding the date 31/12/n if 31/12/n is Saturday or Sunday.</i></li> </ul>
(iv)	<p>Tỷ giá áp dụng trong giao dịch chuyển tiền là tỷ giá nêu tại <b>Mục 2.(ii) – Tỷ giá quy đổi</b> của văn bản này.</p> <p><i>The exchange rate applied to the remittance is the one in Article 2.(ii) – Rate of this document.</i></p>
(v)	<p>Số tiền yêu cầu chuyển bằng USD là số tiền nêu tại <b>Mục 2.(iii) – Số tiền yêu cầu chuyển quy USD</b> của văn bản này.</p> <p><i>The instructed amount in USD is the amount in Article 2.(iii) – Instructed amount in USD of this document.</i></p>
(vi)	<p>Trường hợp số tiền yêu cầu chuyển từ 50.000 USD (năm mươi nghìn Đô La Mỹ) trở lên, khách hàng ủy quyền cho VCB tạm khóa/tạm giữ số tiền nêu tại <b>Mục 2.(iv) – Nguồn tiền thanh toán</b> của văn bản này ngay khi khách hàng xuất trình Yêu cầu chuyển tiền đầy đủ và hợp lệ.</p> <p><i>In case the instructed amount is equal to or more than USD50,000 (fifty thousand US dollar), Customer authorizes VCB to hold the instructed amount in USD from the sources of payment mentioned in Article 2.(iii) – Source of payment of the Application as soon as the completed and eligible Application is presented to VCB.</i></p>
(vii)	<p>Phí chuyển tiền và các loại phí khác (nếu có) áp dụng theo biểu phí hiện hành của VCB và không được hoàn lại trong mọi trường hợp.</p> <p><i>Remittance charges and other fees (if any) are subject to VCB's applicable tariff of fees and charges and shall not be refunded in any circumstances.</i></p>
(viii)	<p>Khách hàng có trách nhiệm:</p> <p><i>Customer's responsibilities:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xuất trình đầy đủ và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các giấy tờ có liên quan đến việc chuyển tiền theo quy định Quản lý ngoại hối của nước CHXHCN Việt Nam và Hàn Quốc và quy định liên quan của VCB. <i>Present in full and be responsible for the eligibility of relevant document to the remittance in accordance with the Regulations on Foreign Exchange Control of the Socialist Republic of Vietnam and Korea and VCB's related regulations.</i></li> <li>• Cung cấp cho VCB đầy đủ, chính xác các thông tin trên Yêu cầu chuyển tiền KRW đi Hàn Quốc. <i>Provide VCB with sufficient and correct information in the Application for Drawback Remittance in KRW to Korea.</i></li> <li>• Chịu mọi rủi ro, chi phí phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không nhất quán. <i>Take all risks and expenses arising from the incorrect or inconsistent information provided.</i></li> <li>• Thanh toán cho VCB số tiền yêu cầu chuyển bằng USD. <i>Pay VCB the instructed amount in USD.</i></li> <li>• Thanh toán cho VCB đầy đủ các khoản phí dịch vụ của VCB và các khoản phí phát sinh do ngân hàng nước ngoài thu (nếu có). <i>Pay VCB all service fees imposed by VCB and other fees charged by foreign banks (if any).</i></li> <li>• Chịu mọi rủi ro có thể xảy ra nếu các thông tin cung cấp trên Yêu cầu chuyển tiền KRW đi Hàn Quốc vi phạm chính sách cấm vận và/hoặc quy định về phòng chống rửa tiền, chống tài chính khủng bố của bất kỳ quốc gia nào và/hoặc tổ chức nào áp đặt đối với người hưởng và/hoặc các ngân hàng, các quốc gia có liên quan. <i>Take all possible risks if the requested information in the Application for Drawback Remittance in KRW to Korea violates the embargo policy and/or regulations on Anti Money Laundering, Combating Financing Terrorism of any countries and/or organizations imposed on the beneficiary and/or related banks and countries.</i></li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất trình cho VCB yêu cầu bằng văn bản và các chứng từ có liên quan đến giao dịch chuyển tiền trong trường hợp khách hàng muốn điều chỉnh hoặc hủy giao dịch này và chịu mọi phí, phí tổn phát sinh do việc điều chỉnh hoặc hủy giao dịch này. <i>Present a written request and other documents relating to the transaction in case the Customer wants to amend or cancel the transaction and bear all expenses and charges arising from this event.</i></li> <li>Thông báo với người hưởng về việc xuất trình các chứng từ hợp lệ tại Ngân hàng người hưởng để nhận tiền theo quy định hiện hành của Hàn Quốc. Trường hợp người hưởng không nhận được tiền do không xuất trình được các chứng từ hợp lệ theo quy định hiện hành của Hàn Quốc hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào khác bởi lỗi của người hưởng và/hoặc ngân hàng nước ngoài, VCB được miễn trách. <i>Inform the beneficiary of presenting complying documents at Beneficiary bank in order to receive money as per the current regulations of Korea. In case the beneficiary cannot receive money due to not presenting complying documents as required by the current regulation of Korea or due to Beneficiary's and/or the foreign bank's fault, VCB is absolved.</i></li> </ul>
(ix)	<p>Trong trường hợp giao dịch chuyển tiền không thực hiện được hoặc hủy theo yêu cầu của khách hàng, VCB sẽ và chỉ thanh toán cho khách hàng số tiền còn lại sau khi trừ đi số phí phát sinh liên quan đến việc không thực hiện được/hủy giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn ở số phí phạt của ngân hàng nước ngoài, từ số tiền thực tế mà VCB nhận lại được từ ngân hàng nước ngoài. Điều này trong mọi trường hợp không tạo thành bất kỳ nghĩa vụ hay cam kết chắc chắn nào của VCB đối với khách hàng về việc khách hàng sẽ nhận lại được tiền. <i>In case the remittance cannot be performed or cancelled as per Customer's request, VCB shall pay Customer only the rest after deducting all charges and fees arising from the cancellation, including but not limited to the penalty amount of the foreign banks, from the actual amount that VCB receives from the foreign bank. However, in any cases, it does not make up any responsibility or obligation of VCB to refund Customer.</i></p>
(x)	<p>Trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, đúng hạn cho VCB các nghĩa vụ nêu tại Yêu cầu chuyển tiền KRW đi Hàn Quốc này (bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản phí dịch vụ hoặc phí phát sinh khác), giấy Yêu cầu chuyển tiền KRW đi Hàn Quốc này sẽ được coi là Giấy nhận nợ của khách hàng với VCB đối với số tiền còn thiếu cho đến ngày thực trả. <i>In case Customer does not pay or does not pay in full amount for any Customer's obligations regulated in this Application for Drawback Remittance in KRW to Korea, this Application shall be considered as Customer's acknowledgement of debt for the amount unpaid to VCB until the payment is completed.</i></p>
(xi)	<p>VCB có thể sử dụng các hệ thống chuyển tiền, lựa chọn ngân hàng đại lý và phương pháp thanh toán thích hợp để thực hiện chuyển tiền tới ngân hàng người hưởng. <i>VCB can choose appropriate remittance systems, correspondent banks and payment methods to remit the amount to the beneficiary bank.</i></p>
(xii)	<p>VCB sẽ không chịu trách nhiệm đối với những rủi ro, mất mát xảy ra do những sự cố nằm ngoài sự kiểm soát của VCB, hoặc những thiệt hại không trực tiếp hoặc mang tính chất hậu quả. <i>VCB shall not be responsible for any risks and losses incurred due to incidents that are out of VCB's control or any indirect or consequential damages.</i></p>